

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/DS-ST

Ngày: 12-5-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Trọng Tâm

2. Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2022/TLST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Tân Đạt T. Trụ sở: Số 46, đường K, khóm 6, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Nguyễn Quốc Khởi. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của công ty tham gia tố tụng tại Tòa án: Anh Quách Tuấn, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: số 23A4, ấp S, xã L, thành phố C, tỉnh C, (có mặt).

Bị đơn: Ông Quách Vũ N, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Số 08, đường B, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của ông Quách Vũ N tham gia tố tụng tại tòa án là ông Trần Hoàng Phương, sinh năm: 1953. Nơi cư trú: Số 32, đường H, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Quách Tuấn trình bày:

Năm 2018, ông Quách Vũ N có mua vật tư xây dựng của công ty TNHH MTV Tân Đạt T (sau đây gọi tắt là công ty), việc mua bán chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Khi bán vật tư cho ông N, công ty sẽ ghi tên các sản phẩm vào hóa đơn bán lẻ. Trong quá trình mua bán, sau khi cần trừ các khoản lãi vay cũng như trừ ra các hóa

đơn bán lẻ ông N chưa ký xác nhận, ông N còn nợ tiền vật tư của công ty 412.146.500 đồng. Tại đơn khởi kiện, công ty yêu cầu bị đơn tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền trên từ ngày 05/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10% bằng số tiền 153.792.636 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông N thanh toán cho công ty 412.146.500 đồng.

Ngoài ra, ông Ngô Vũ Khanh là người đang thi công nhà ở cho ông Quách Vũ N có mua của công ty Tân Đạt T 01 xe cuốc, sau khi thanh toán ông Khanh còn nợ công ty số tiền 50.000.000 đồng. Trong khi đó, ông N nợ ông Khanh 50.000.000 đồng nên ông N đồng ý ký nhận nợ thay cho ông Khanh trả số tiền 50.000.000 đồng trên cho công ty. Do đó, công ty yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền trên và tính lãi từ ngày 15/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu trên để củng cố thêm chứng cứ, không yêu cầu ông N thanh toán số tiền trên.

Tại bản án số 163 ngày 29/11/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, ông K thừa nhận có nhận của công ty số tiền 70.000.000 đồng từ việc bán cọc bê tông. Do đó, công ty yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho công ty. Không yêu cầu tính lãi.

Như vậy, tổng số tiền công ty yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán 482.416.500 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn vì số tiền bị đơn yêu cầu đã được đối trừ, giải quyết tại bản án số 163 ngày 29/11/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

** Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hoàng Phương trình bày:*

Năm 2018, giữa ông N với công ty có mua bán vật liệu xây dựng như đại diện nguyên đơn trình bày. Trong quá trình thanh toán tiền mua bán vật tư, đôi bên có cản trở nợ lãi cho khoản vay nhưng không xác định được khoản vay nào. Nay công ty yêu cầu ông N thanh toán số tiền 412.146.500 đồng, ông N đồng ý.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, tiền ông N nhận từ việc bán cọc bê tông thay cho công ty, ông N đồng ý thanh toán lại số tiền trên cho công ty.

Ngoài ra, trong quá trình mua bán vật tư, ông N đã cho công ty tạm ứng với tổng số tiền 1.250.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 21/10/2018, tạm ứng 130.000.000 đồng. Ngày 22/10/2018, tạm ứng: 130.000.000 đồng. Ngày 24/11/2018, tạm ứng: 350.000.000 đồng. Ngày 08/3/2019, tạm ứng số tiền: 85.000.000 đồng. Ngày 04/4/2019, tạm ứng số tiền: 85.000.000 đồng. Tháng 12/2018 và tháng 01/2019, tạm ứng số tiền: 170.000.000 đồng.

Đối với số tiền 300.000.000 đồng anh Tuấn đại diện công ty nhận ngày 14/10/2020, đây là tiền công ty nhờ ông N bán thay cho công ty 400 cây cừ bê tông để đối trừ nợ nhưng không có đối trừ. Do đó, ông N yêu cầu công ty phải thanh toán 300.000.000 đồng trên cho ông N.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, ông N có yêu cầu công ty trả lãi chậm thanh toán đối với các khoản tiền trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa, do đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi trên số tiền ông N chậm thanh toán nên ông N không yêu cầu tính lãi đối với các khoản tiền trên.

Như vậy, sau khi đối trừ khoản nợ ông N phải thanh toán cho công ty, ông N yêu cầu công ty có trách nhiệm thanh toán số tiền: 730.373.781 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại đơn khởi kiện, công ty yêu cầu ông N thanh toán số tiền 50.000.000 đồng liên quan việc ông N nhận trả nợ thay cho ông Ngô Vũ Khanh. Tại phiên tòa, đại diện công ty rút lại yêu cầu trên. Ngoài ra, đại diện công ty và đại diện của ông N còn rút lại yêu cầu về tính lãi chậm thanh toán, nhận thấy: Việc rút lại các yêu cầu trên của nguyên đơn, bị đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu phản tố ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Đối với ông Ngô Vũ Khanh do nguyên đơn đã rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện có liên quan đến ông nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của ông Khanh tại vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông Khanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty về việc yêu cầu ông N thanh toán tiền mua vật tư 412.146.500 đồng và 70.000.000 đồng, tiền ông N nhận từ việc bán cọc bê tông thay cho công ty, nhận thấy: Việc công ty yêu cầu ông N thanh toán số tiền trên, ông N đồng ý nên yêu cầu trên của công ty là có cơ sở chấp nhận. Ông N có trách nhiệm thanh toán cho công ty số tiền 482.146.500 đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán lại tiền tạm ứng vật tư: 1.250.000.000 đồng, nhận thấy:

[4.1] Đối với biên nhận ngày 08/3/2019, có nội dung công ty tạm ứng số tiền: 85.000.000 đồng. Chuyển đóng lãi giữm. Biên nhận ngày 04/4/2019, công ty tạm ứng số tiền: 85.000.000 đồng. Chuyển đóng lãi giữm. Biên nhận tháng 12/2018 và tháng 01/2019, công ty tạm ứng của bị đơn số tiền: 170.000.000 đồng. Đóng lãi 02 tháng.

Đối với các biên nhận trên, đại diện nguyên đơn, bị đơn xác định số tiền tạm ứng tại các biên nhận trên là tiền bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn khi mua vật tư của nguyên đơn. Sau khi nhận tiền tạm ứng trên, nguyên đơn xác định đã dùng số tiền trên để đóng lãi cho bị đơn đối với khoản vay 1.900.000.000 đồng mà nguyên đơn vay của bị đơn năm 2018, đã được giải quyết tại bản án số 163 ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, trong khi đại diện bị đơn thừa nhận nguyên đơn có đóng lãi nhưng không xác định được đóng lãi cho khoản vay nào và chưa được đối trừ tại bản án số 163 như đã nêu trên.

Như vậy, việc nguyên đơn nhận tiền tạm ứng vật tư từ bị đơn sau đó dùng số tiền trên để đóng lãi cho bị đơn là thực tế có xảy ra.

Nhận thấy, tại bản án số 163 ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã xác định: Năm 2018, nguyên đơn có vay của bị đơn số tiền 1.900.000.000 đồng, trong quá trình vay, 02 bên điều thừa nhận có đóng lãi nhiều lần nhưng không nhớ rõ cụ thể, đến ngày 31/7/2020 đôi bên tiến hành đối chiếu lãi, theo đó ông Khởi còn nợ ông N số tiền lãi 565.000.000 đồng. Như vậy, trước ngày chốt nợ lãi (ngày 31/7/2020) cả nguyên đơn và bị đơn chỉ xác định có đóng lãi nhưng không xác định được cụ thể.

Tại các biên nhận trên, ngoài thể hiện số tiền tạm ứng còn có nội dung “chuyển đóng lãi” và các biên nhận trên được ghi trước ngày đôi bên chốt nợ lãi, ngày 31/7/2020. Mặc khác, bị đơn thừa nhận các biên nhận trên nguyên đơn có chuyển đóng lãi nhưng không xác định được đóng lãi cho khoản vay nào. Ngoài khoản vay trên, bị đơn không chứng minh được nguyên đơn có vay của bị đơn khoản vay nào khác. Do đó, lời trình bày của đại diện nguyên đơn đối với các biên nhận trên đã được giải quyết tại bản án số 163 ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên, yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền 340.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với biên nhận ngày 21/10/2018, tạm ứng 130.000.000 đồng. Ngày 22/10/2018 tạm ứng: 130.000.000 đồng. Ngày 24/11/2018, tạm ứng: 350.000.000 đồng.

Nhận thấy, đối với các biên nhận này, đại diện nguyên đơn cho rằng đã được đối trừ, giải quyết tại bản án số 163 là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Nếu nguyên đơn đã dùng số tiền trên đóng lãi cho bị đơn đúng như nguyên đơn trình bày thì tại các biên nhận trên, nguyên đơn phải thể hiện nội dung “chuyển đóng lãi” như các biên nhận tại mục [4.1] nguyên đơn đã ghi. Như vậy, ngoài lời trình bày, đại diện nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, yêu cầu trên của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền 610.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền 300.000.000 đồng liên quan đến việc ông N bán 400 cây cừ bê tông.

Nhận thấy, tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2021 giải quyết tranh chấp giữa ông Quách Vũ N với ông Nguyễn Quốc Khởi, liên quan đến việc bán 400 cây cừ bê tông trên, ông N xác định: Sau khi chốt nợ lãi, để thanh toán số nợ lãi 565.000.000 đồng, ông và ông Khởi lập biên bản thỏa thuận, theo đó ông Khởi giao cho ông N 600 cây cọc bê tông của công ty Tân Đạt T cho ông N bán để trừ lãi. Thực tế ông chỉ nhận 500 cây, ông đã bán 02 lần, lần 01 bán 100 cây, được 70.000 đồng, ông nhận tiền, lần 02 bán 400 cây, được 300.000.000 đồng, ông Tuấn nhận cho công ty Tân Đạt T.

Tuy nhiên, sau khi bán được số bê tông trên, đôi bên không trừ vào tiền lãi như đã thỏa thuận mà ông N nhận 70.000.000 đồng, ông Tuấn nhận thay cho công ty 300.000.000 đồng.

Như vậy, việc ông Tuấn nhận số tiền 300.000.000 đồng là từ việc bán cừ bê tông của công ty Tân Đạt T. Trong việc bán cừ trên, ông N đã nhận từ công ty 70.000.000 đồng nên ông N đồng ý thanh toán lại cho công ty 70.000.000 đồng như đã phân tích tại mục [2]. Do đó, yêu cầu của ông N yêu cầu công ty thanh toán số tiền 300.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích tại mục [4], có cơ sở chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc công ty có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền 610.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc buộc công ty thanh toán số tiền 640.000.000 đồng.

Như vậy, sau khi đối trừ nghĩa vụ, công ty phải thanh toán cho ông N số tiền: 610.000.000 đồng – 482.416.500 đồng = 127.583.500 đồng (làm tròn 127.584.000 đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Quách Vũ N phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận và tiền án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Công ty phải chịu án phí trên số tiền bị đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92; Điều 147; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 385; Điều 430 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Tân Đạt T.

- Buộc ông Quách Vũ N thanh toán cho Công ty TNHH MTV Tân Đạt T số tiền 482.416.500 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Quách Vũ N.

- Buộc Công ty TNHH MTV Tân Đạt T thanh toán cho ông Quách Vũ N số tiền 610.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Quách Vũ N về việc buộc Công ty TNHH MTV Tân Đạt T thanh toán số tiền 640.000.000 đồng.

3. Sau khi bù trừ nghĩa vụ: Công ty TNHH MTV Tân Đạt T thanh toán cho ông Quách Vũ N số tiền 127.584.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng công ty

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH MTV Tân Đạt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 28.400.000 đồng. Ngày 02/8/2022 công ty đã nộp 14.461.000 đồng theo biên lai thu số 0001827 và ngày 18/10/2022 công ty đã nộp 1.750.000 đồng theo biên lai thu số 0002223 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ. Công ty phải nộp tiếp 12.189.000 đồng.

Ông Quách Vũ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 45.672.000 đồng. Ngày 22/9/2022, ông N đã nộp 32.303.000 đồng theo biên lai thu số 0001971 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ. Ông N phải tiếp 13.369.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc